

THIẾT KẾ MÔ HÌNH GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP TRỰC TUYẾN CHO SINH VIÊN ĐÀO TẠO TỪ XA: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Lương Tuấn Long¹, Nguyễn Anh Hoàn¹, Nguyễn Vinh Quang¹

Email: longlt@hou.edu.vn. ORCID: 0009-0000-3294-9956

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/07/2026

Ngày hoàn thành đánh giá: 05/10/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 19/10/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1504

Tóm tắt: Giáo dục khởi nghiệp góp phần phát triển năng lực nhận diện cơ hội, thử nghiệm giải pháp và tạo ra giá trị cho sinh viên. Với sinh viên đào tạo từ xa, thách thức là vừa bảo đảm tính linh hoạt, vừa duy trì trải nghiệm, tương tác, sự cố vấn và kết nối với hệ sinh thái. Nghiên cứu phân tích trường hợp Trường Đại học Mở Hà Nội, kết hợp phân tích tài liệu chính sách, tài liệu công khai của Nhà trường và các công trình khoa học nền tảng, nhằm xác định yêu cầu thiết kế và đề xuất mô hình giáo dục khởi nghiệp trực tuyến cho người học từ xa (Online Distance Entrepreneurship Education - ODEE). Kết quả cho thấy Nhà trường đã có nền tảng đào tạo từ xa và hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp, nhưng chưa thể hiện rõ một kiến trúc tích hợp riêng dành cho sinh viên học từ xa. Mô hình ODEE gồm 6 cấu phần: học tập số linh hoạt, dự án khởi nghiệp, cộng đồng học tập, cố vấn trực tuyến, kết nối hệ sinh thái, giàn giáo học tập số và đánh giá hình thành. Mô hình cần tiếp tục được thí điểm và kiểm định về tính khả thi và hiệu quả.

Từ khóa: đào tạo từ xa, giáo dục khởi nghiệp, học tập trải nghiệm, hệ sinh thái khởi nghiệp, mô hình giáo dục khởi nghiệp trực tuyến cho người học từ xa

I. Đặt vấn đề

Giáo dục khởi nghiệp trong đại học tập trung vào việc phát triển khả năng nhận biết cơ hội, thử nghiệm giải pháp và tạo giá trị, thay vì chỉ đơn thuần truyền đạt kiến thức về thành lập doanh nghiệp. Martin và cộng sự (2013) cho rằng giáo dục khởi nghiệp có liên quan đến sự hình thành vốn con người và các kết quả khởi nghiệp của người học. Tuy nhiên, kết quả

giữa các nghiên cứu chưa nhất quán và hiệu quả của giáo dục khởi nghiệp được cho là phụ thuộc vào cách thiết kế sư phạm. Đây lại là yếu tố mà nhiều nghiên cứu đánh giá tác động còn mô tả chưa đầy đủ (Nabi và cộng sự, 2017). Trong các cách tiếp cận sư phạm, học tập trải nghiệm thông qua thực hành, dự án và phản tư được các tổng quan hệ thống ghi nhận là góp phần phát triển kỹ năng và năng lực khởi nghiệp (Motta

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

và Galina, 2023). Trong giáo dục đại học mở, trải nghiệm học tập số cũng cần được tổ chức dựa trên dự án, phản hồi và minh chứng, thay vì chỉ đơn thuần số hóa nội dung (Nguyễn, 2026).

Trong môi trường trực tuyến, công nghệ giúp mở rộng khả năng tiếp cận và hợp tác, nhưng việc duy trì trải nghiệm thực tế, phản hồi liên tục và kết nối với doanh nghiệp vẫn còn nhiều thách thức (Chen và cộng sự, 2021; Oliver và Oliver, 2022; Secundo và cộng sự, 2021). Do đó, hiệu quả của giáo dục khởi nghiệp trực tuyến phụ thuộc vào việc thiết kế cẩn thận các nhiệm vụ thực hành, phản hồi và tương tác (Vecchiarini và cộng sự, 2024).

Trong đào tạo từ xa, khoảng cách giáo dục không chỉ liên quan đến địa lý mà còn bao gồm cấu trúc chương trình, mức độ tương tác, và tính tự chủ của người học (Moore, 1993). Tính linh hoạt và tự chủ có thể bị giới hạn nếu không có cơ chế hỗ trợ tương tác, phản hồi, và học hỏi xã hội. Ở Trường Đại học Mở Hà Nội, cố vấn học tập và hỗ trợ sinh viên được xem là các yếu tố quan trọng giúp duy trì hiệu quả của học trực tuyến (Nguyễn và Nguyễn, 2023).

Trường Đại học Mở Hà Nội được lựa chọn làm đối tượng nghiên cứu vì đồng thời triển khai đào tạo từ xa nhiều ngành và duy trì hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp. Năm 2026, Nhà trường tuyển sinh đào tạo từ xa ở 11 ngành với chỉ tiêu 7.555 người học, đồng thời duy trì cổng thông tin khởi nghiệp, hoạt động cố vấn, cuộc thi, diễn đàn và kết nối doanh nghiệp (Trường Đại học Mở Hà Nội, 2021, 2026a, 2026b, 2026c).

Từ đó, nghiên cứu đặt câu hỏi: làm thế nào thiết kế mô hình giáo dục khởi nghiệp cho sinh viên đào tạo từ xa vừa

bảo đảm tính linh hoạt, vừa duy trì trải nghiệm, tương tác và kết nối hệ sinh thái? Nghiên cứu hướng tới ba mục tiêu: (i) xác định yêu cầu thiết kế dựa trên lý thuyết; (ii) phân tích điều kiện và khoảng trống tại Trường Đại học Mở Hà Nội; và (iii) đề xuất mô hình ODEE để triển khai thí điểm và tiếp tục kiểm định.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Giáo dục khởi nghiệp và học tập trải nghiệm

Giáo dục khởi nghiệp trong đại học hướng tới phát triển năng lực nhận diện cơ hội, giải quyết vấn đề, thử nghiệm giải pháp và tạo giá trị; vì vậy, cần gắn với hoạt động thực hành và phản tư. Cách tiếp cận này phù hợp với học tập trải nghiệm, trong đó tri thức được hình thành thông qua quá trình chuyển hóa kinh nghiệm.

Theo Kolb (1984), quá trình học tập trải nghiệm gồm bốn giai đoạn lặp lại: trải nghiệm thực tế, quan sát và phản tư, khái quát hóa và thử nghiệm chủ động. Trong giáo dục khởi nghiệp, chu trình này phản ánh các bước nhận diện vấn đề, xây dựng giả thuyết, kiểm nghiệm ý tưởng, tiếp nhận phản hồi, rồi điều chỉnh giải pháp. Politis (2005) xem việc chuyển hóa kinh nghiệm là cơ sở để hình thành kiến thức khởi nghiệp; Neck và Greene (2011) nhấn mạnh tầm quan trọng của thực hành; Motta và Galina (2023) cho thấy các hoạt động trải nghiệm giúp phát triển kỹ năng và năng lực khởi nghiệp.

Trong đào tạo từ xa, sinh viên đối mặt với thách thức duy trì các nhiệm vụ thực hành, phản hồi, phản tư và thử nghiệm trong môi trường kỹ thuật số. Nghiên cứu này xác định giàn giáo học tập số như các hỗ trợ có cấu trúc qua môi trường kỹ thuật số, giúp người học hoàn thành nhiệm vụ phức tạp, theo dõi tiến trình, phản tư và

tự điều chỉnh. Khái niệm này kế thừa các nghiên cứu về giàn giáo dựa trên máy tính (Belland và cộng sự, 2017) và các nghiên cứu sử dụng trực tiếp thuật ngữ “digital scaffolding” (Park và cộng sự, 2019).

Trong mô hình ODEE, giàn giáo học tập số được thể hiện qua các mốc dự án, hướng dẫn nhiệm vụ, danh mục kiểm tra, bảng tiêu chí đánh giá, nhật ký phản tư và phản hồi về tiến độ. Các yếu tố này tạo nền tảng để tổ chức học qua dự án khởi nghiệp và đánh giá hình thành trong môi trường đào tạo từ xa.

2.2. Khoảng cách giao dịch trong đào tạo từ xa và cộng đồng học tập trực tuyến

Đào tạo từ xa tạo điều kiện mở rộng khả năng tiếp cận và tăng tính linh hoạt, nhưng đồng thời cũng có thể làm gia tăng khoảng cách về tương tác, phản hồi và sự hỗ trợ trong quá trình học tập. Theo Moore (1993), khoảng cách giao dịch trong đào tạo từ xa được hình thành từ mối quan hệ giữa 3 yếu tố: cấu trúc, đối thoại và tính tự chủ. Khi cấu trúc cao nhưng đối thoại hạn chế, khoảng cách giao dịch có thể tăng; ngược lại, các cơ chế trao đổi, phản hồi và hỗ trợ phù hợp có thể góp phần thu hẹp khoảng cách này.

Trong giáo dục khởi nghiệp, yêu cầu tương tác càng rõ ràng hơn do người học cần làm việc nhóm, phản biện ý tưởng, kiểm chứng vấn đề và khách hàng, đồng thời nhận phản hồi từ giảng viên, cố vấn và các chủ thể của hệ sinh thái. Với sinh viên đào tạo từ xa, nếu các tương tác này không được thiết kế có chủ đích, tính linh hoạt và tự chủ có thể làm giảm mức độ đối thoại và gắn kết. Nghiên cứu tại Trường Đại học Mở Hà Nội cũng cho thấy vai trò của cố vấn học tập và hỗ trợ sinh viên đối với việc duy trì học tập trực tuyến (Nguyễn và Nguyễn, 2023).

Khung Cộng đồng truy vấn (Community of Inquiry - CoI) của Garrison và cộng sự (2000) cung cấp nền tảng để tổ chức cộng đồng học tập trực tuyến dựa trên ba thành tố chính: hiện diện giảng dạy, hiện diện xã hội và hiện diện nhận thức. Những thành tố này giúp hướng dẫn thiết kế hoạt động, duy trì tương tác, cung cấp phản hồi và thúc đẩy quá trình phân tích - phản tư, qua đó góp phần giảm thiểu khoảng cách giao dịch.

Như vậy, giáo dục khởi nghiệp cho sinh viên đào tạo từ xa cần đồng thời bảo đảm cấu trúc linh hoạt, duy trì đối thoại có chủ đích, tổ chức cộng đồng học tập và hỗ trợ tính tự chủ của người học. Đây là cơ sở lý thuyết trực tiếp cho việc thiết kế mô hình ODEE.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp (Stake, 1995; Yin, 2018) tại Trường Đại học Mở Hà Nội, kết hợp với phân tích tài liệu (Bowen, 2009) và dữ liệu thứ cấp. Trường được chọn vì đang triển khai đào tạo từ xa ở nhiều ngành và duy trì các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên. Dữ liệu thu thập từ năm 2021 đến năm 2026 gồm 2 nguồn chính: (i) các văn bản chính sách quốc gia về hỗ trợ học sinh, sinh viên và thanh niên khởi nghiệp (Thủ tướng Chính phủ, 2017, 2022, 2026); (ii) các tài liệu công khai của trường về đào tạo từ xa, cổng thông tin khởi nghiệp và các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp. Nhóm tài liệu học thuật trong và ngoài nước được dùng để xây dựng và diễn giải khung lý thuyết, đồng thời làm rõ các cơ chế thiết kế, như nghiên cứu về giáo dục khởi nghiệp, học tập trải nghiệm, khoảng cách giao dịch, cộng đồng học tập trực tuyến và giàn giáo học tập số. Các tài liệu được lựa chọn dựa trên 2 tiêu chí: liên quan trực tiếp đến câu

hỏi nghiên cứu và dễ truy cập, có thể kiểm chứng. Quá trình phân tích gồm bốn bước: xác định các điều kiện hiện có; đối chiếu với yêu cầu của khung lý thuyết; nhận diện khoảng trống và các yêu cầu thiết kế; sau đó tổng hợp thành các thành phần của mô hình ODEE. Vì chỉ sử dụng tài liệu công khai và chưa được xác minh với người học, kết quả này chỉ là nền tảng để đề xuất mô hình; cần tiếp tục kiểm chứng trong các nghiên cứu tiếp theo.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng và khoảng trống giáo dục khởi nghiệp cho sinh viên đào tạo từ xa tại Trường Đại học Mở Hà Nội

Trường Đại học Mở Hà Nội đã xây dựng 2 nền tảng chính nhằm thúc đẩy giáo dục khởi nghiệp cho sinh viên đào tạo từ xa: hệ thống đào tạo trực tuyến và hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp. Chương trình đào tạo từ xa được áp dụng trong nhiều ngành học theo hình thức kết hợp trực tuyến và truyền thống, giúp sinh viên linh hoạt về thời gian và địa điểm học tập (Trường Đại học Mở Hà Nội, 2026a). Tuy nhiên, trong phạm vi tài liệu công khai, vẫn chưa xác định rõ các cơ chế đối thoại, cố vấn và phản hồi được thiết kế đặc thù cho quá trình học khởi nghiệp của sinh viên học từ xa.

Song song với đó, Nhà trường duy trì cổng thông tin khởi nghiệp, các tọa đàm, cuộc thi, hoạt động kết nối và hội thảo chuyên đề. Một số hoạt động có quy mô lớn, như tọa đàm khởi nghiệp tháng 01/2026 với gần 2.000 sinh viên và hội thảo quốc gia về hệ sinh thái khởi nghiệp sinh viên tháng 6/2026, cho thấy hạ tầng và mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp đã được hình thành (Trường Đại học Mở Hà Nội, 2021, 2026b, 2026c).

Phần lớn khoảng trống trong khung lý thuyết nằm ở mức độ tích hợp giữa đào tạo từ xa và hệ sinh thái khởi nghiệp. Quá trình học tập trải nghiệm yêu cầu chu trình hành động, phản tư và thử nghiệm, còn lý thuyết về khoảng cách giao dịch nhấn mạnh tầm quan trọng của đối thoại và sự hỗ trợ, trong khi mô hình CoI cần duy trì sự hiện diện về giảng dạy, xã hội và nhận thức. Hiện tại, các yếu tố này chưa được thể hiện rõ như một lộ trình tích hợp dành riêng cho sinh viên đào tạo từ xa.

Từ đó, nghiên cứu xác định bốn yếu tố cần cân nhắc trong thiết kế: tính linh hoạt và khả năng tương tác đồng bộ; truy cập từ xa và giao tiếp với cố vấn, doanh nghiệp; tiêu chuẩn hóa nội dung và tính mở của nhiệm vụ; tự chủ và nguy cơ cô lập. Điều này tạo nền tảng cho việc xây dựng các yêu cầu thiết kế và mô hình ODEE.

Bảng 1. Đối chiếu thực trạng với yêu cầu lý thuyết và khoảng trống thiết kế

Khung lý thuyết	Điều kiện hiện có (bằng chứng công khai)	Yêu cầu	Khoảng trống nhận diện
Khoảng cách giao dịch	Hệ đào tạo từ xa có cấu trúc và tính tự chủ cao	Cân bằng cấu trúc với đối thoại và tự chủ	Chưa xác định được các điểm đối thoại, cố vấn và phản hồi gắn với lộ trình khởi nghiệp
Học tập trải nghiệm	Có cuộc thi, tọa đàm và Cổng thông tin khởi nghiệp	Duy trì vòng trải nghiệm - phản tư - thử nghiệm	Hoạt động chưa thể hiện thành chu trình dự án có phản tư liên tục cho người học từ xa
Cộng đồng truy vấn (CoI)	Có hoạt động trực tiếp/kết hợp tạo hiện diện giảng dạy và xã hội	Duy trì hiện diện giảng dạy, xã hội và nhận thức	Hiện diện còn mang tính sự kiện, chưa thể hiện thành dòng tương tác liên tục trong lộ trình học

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

4.2. Thiết kế mô hình ODEE nhằm thúc đẩy giáo dục khởi nghiệp trực tuyến cho sinh viên đào tạo từ xa tại Trường Đại học Mở Hà Nội

Dựa trên các khoảng trống đã xác định tại mục 4.1, nghiên cứu chuyển đổi các yêu cầu về trải nghiệm, đối thoại, cộng đồng học tập, cố vấn và kết nối hệ sinh thái thành các thành phần của mô hình ODEE theo trình tự: từ cơ sở lý thuyết, qua các khoảng trống thực tiễn, đến yêu cầu thiết kế và cuối cùng là các cấu phần của mô hình.

Mô hình ODEE gồm sáu thành phần chính: (1) học tập số linh hoạt, cung cấp kiến thức nền tảng thông qua các mô-đun ngắn và cho phép người học tự điều chỉnh tiến độ; (2) học qua dự án khởi nghiệp, trong đó tổ chức quá trình nhận diện vấn đề, xác thực khách hàng, phát triển giải pháp, xây dựng mô hình kinh doanh, tạo ra sản phẩm tối thiểu khả dụng (MVP)

khi cần thiết, và trình bày dự án; (3) cộng đồng học tập, hỗ trợ nhóm dự án cũng như phản biện đồng đẳng; (4) cố vấn trực tuyến, tạo điểm liên lạc với giảng viên, cố vấn và chuyên gia; (5) kết nối hệ sinh thái, tích hợp doanh nghiệp, cựu sinh viên, nhà đầu tư và các cuộc thi vào chương trình học; và (6) giàn giáo học tập số và đánh giá hình thành, gồm các mốc dự án, hướng dẫn nhiệm vụ, danh mục kiểm tra, hồ sơ năng lực, bảng tiêu chí đánh giá, nhật ký phản tư và theo dõi tiến độ.

Cấu phần thứ sáu vừa hướng dẫn người học qua các mốc dự án, vừa cung cấp phản hồi trong quá trình thực hiện giúp điều chỉnh trước khi hoàn thiện sản phẩm. Trí tuệ nhân tạo (AI) có thể hỗ trợ tạo ý tưởng, phản hồi và phân tích dữ liệu học tập, nhưng cần đi kèm với yêu cầu kiểm chứng kết quả, minh bạch trong việc sử dụng AI, bảo vệ dữ liệu và duy trì liêm chính học thuật.

Bảng 2. Đường kế thừa từ cơ sở lý thuyết và khoảng trống đến cấu phần ODEE

Cơ sở lý thuyết	Khoảng trống/vấn đề	Yêu cầu thiết kế	Cấu phần ODEE
Học tập trải nghiệm	Nội dung số dễ chuẩn hóa nhưng khởi nghiệp cần nhiệm vụ mở và vòng thử nghiệm	Tạo nhiệm vụ thực tế/mô phỏng, phản tư và thử nghiệm lặp lại	C2. Học qua dự án; C6. Giàn giáo học tập số và đánh giá hình thành
Khoảng cách giao dịch	Linh hoạt và tự chủ cao có thể làm suy yếu đối thoại	Bổ trí điểm đối thoại, cố vấn và phản hồi có chủ đích	C1. Học tập số linh hoạt; C4. Cố vấn trực tuyến; C6. Giàn giáo học tập số và đánh giá hình thành
Cộng đồng truy vấn (CoI)	Người học phân tán có nguy cơ giảm hiện diện xã hội và học hỏi đồng đẳng	Duy trì cộng đồng, nhóm dự án và phản biện đồng đẳng	C3. Cộng đồng học tập
Nghiên cứu về hệ sinh thái khởi nghiệp	Từ xa làm giảm tương tác phi chính thức với doanh nghiệp/cố vấn	Đưa bối cảnh thực và mạng lưới bên ngoài vào lộ trình học	C5. Kết nối hệ sinh thái

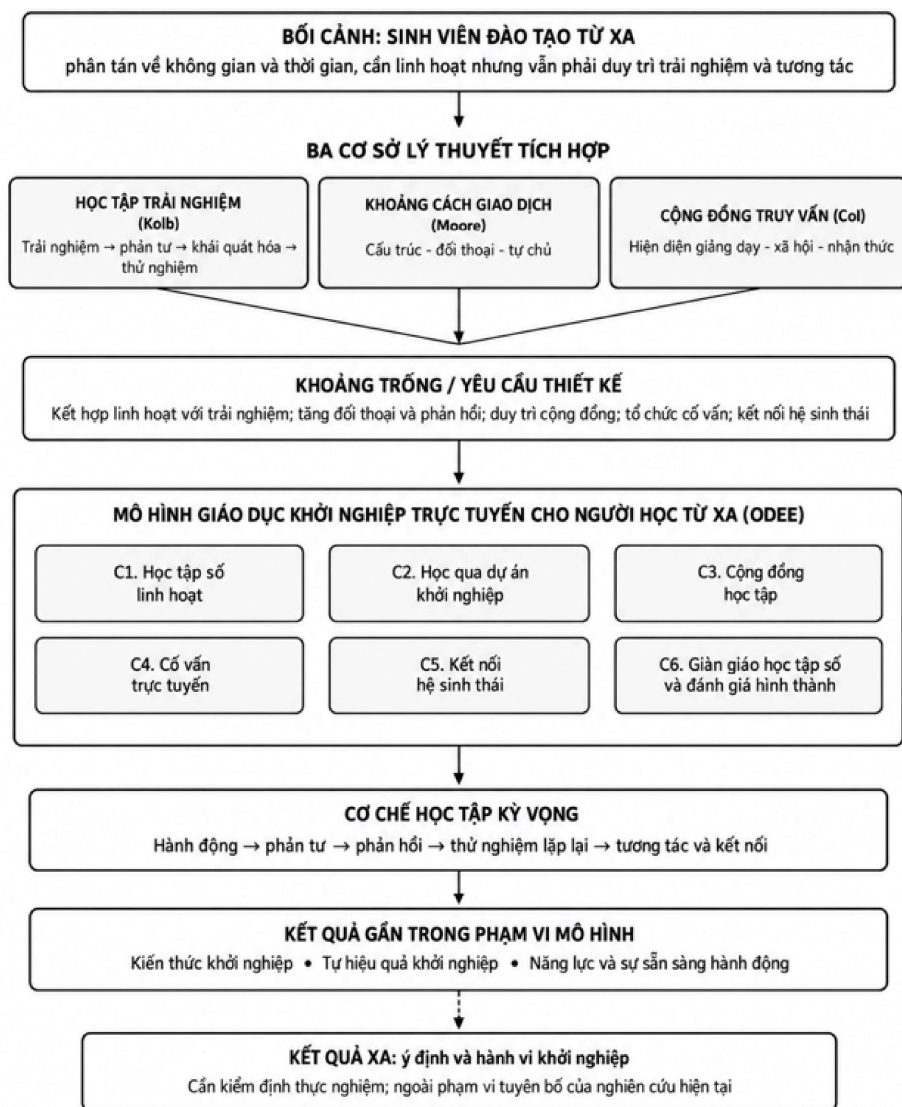
Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

Bảng 3. Các cấu phần của mô hình ODEE

Cấu phần	Thiết kế cốt lõi	Cơ chế kỳ vọng
C1. Học tập số linh hoạt	Mô-đun ngắn, học không đồng bộ có hướng dẫn	Giảm rào cản thời gian và địa lý
C2. Học qua dự án khởi nghiệp	Kiểm chứng vấn đề/khách hàng, giải pháp, sản phẩm khả dụng tối thiểu (MVP) khi phù hợp, trình bày dự án; gọi vốn khi dự án đạt giai đoạn phù hợp	Tạo trải nghiệm và vòng thử nghiệm

Cấu phần	Thiết kế cốt lõi	Cơ chế kỳ vọng
C3. Cộng đồng học tập	Nhóm dự án, phản biện đồng đẳng	Tăng hiện diện xã hội và học hỏi đồng đẳng
C4. Cố vấn trực tuyến	Ghép cố vấn, phiên tư vấn, phản hồi theo mốc	Tăng đối thoại và hỗ trợ cá nhân hóa
C5. Kết nối hệ sinh thái	Doanh nghiệp, cựu sinh viên, nhà đầu tư, cuộc thi	Đưa bối cảnh thực vào môi trường trực tuyến
C6. Giàn giáo học tập số và đánh giá hình thành	Mốc dự án, hướng dẫn nhiệm vụ, danh mục kiểm tra, hồ sơ năng lực, bảng tiêu chí đánh giá, nhật ký phản tư, phản hồi tiến độ	Hỗ trợ tự chủ có cấu trúc, phản tư và điều chỉnh quá trình học

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp



Hình 1. Kiến trúc khái niệm và cơ chế thiết kế của mô hình ODEE

Ghi chú: các mũi tên thể hiện logic thiết kế và cơ chế kỳ vọng, không phải quan hệ nhân quả đã được kiểm định.

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất dựa trên Kolb (1984), Moore (1993), Garrison và cộng sự (2000) và các nghiên cứu về giáo dục khởi nghiệp.

4.3. Thảo luận

Kết quả cho thấy giáo dục khởi nghiệp cho sinh viên đào tạo từ xa không chỉ là chuyển nội dung lên nền tảng số, mà còn cần tái thiết kế cơ chế học tập. Việc tích hợp học tập trải nghiệm, lý thuyết khoảng cách giao dịch và CoI làm rõ bốn yêu cầu cân bằng: linh hoạt - đồng bộ; tiếp cận từ xa - tương tác giàu bối cảnh; chuẩn hóa - nhiệm vụ mở; tự chủ - nguy cơ biệt lập.

Nghiên cứu đã chuyển từ việc mô tả lý thuyết sang mô hình thiết kế có thể truy nguyên, bắt đầu từ hiện trạng và các khoảng trống, rồi đến yêu cầu thiết kế, bao gồm sáu thành phần của ODEE, cơ chế học tập, và kết quả gần. Phương pháp này nhấn mạnh rằng giáo dục khởi nghiệp trực tuyến cần có cấu trúc rõ ràng, phản hồi phù hợp và bằng chứng minh chứng, chứ không chỉ là số hóa học liệu đơn thuần (Nguyễn, 2026).

Về thực tế, có thể thí điểm ODEE với sinh viên từ xa ở các ngành phù hợp. Khi chọn tiêu chí đánh giá, cần lưu ý một hạn chế của các nghiên cứu về tác động của giáo dục khởi nghiệp: chủ yếu dựa trên các thước đo ngắn hạn và chủ quan, trong khi việc chuyển từ ý định đến hành vi khởi nghiệp vẫn cần được làm rõ (Nabi và cộng sự, 2017). Do đó, đánh giá thí điểm ODEE không nên dựa chủ yếu vào ý định khởi nghiệp để xác định hiệu quả của mô hình. Thay vào đó, tập trung vào các kết quả trực tiếp liên quan đến cơ chế thiết kế như kiến thức, năng lực khởi nghiệp, chất lượng xác minh vấn đề và khách hàng, phản tư, tham gia tư vấn và tiến bộ dự án theo các mốc. Đánh giá năng lực khởi nghiệp số trong chương trình thực hành trực tuyến là một ví dụ về phương pháp đo lường dựa trên năng lực (Chen và Ifenthaler, 2023).

Nghiên cứu còn ba giới hạn: chỉ sử dụng một trường hợp và tài liệu công khai; mô hình chưa được kiểm nghiệm thực nghiệm; các kết quả gần như mới chỉ là cơ chế kỳ vọng theo lý thuyết. Nghiên cứu tiếp theo cần khảo sát nhu cầu, phỏng vấn các bên liên quan và triển khai thí điểm có đo lường trước - sau để đánh giá tính khả thi và hiệu quả của ODEE.

V. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu đạt được 3 kết quả chính. Thứ nhất, trên cơ sở học tập trải nghiệm, lý thuyết khoảng cách giao dịch và CoI, nghiên cứu xác định các yêu cầu thiết kế cốt lõi cho giáo dục khởi nghiệp đối với sinh viên đào tạo từ xa, gồm trải nghiệm thực tiễn, đối thoại và phản hồi, cộng đồng học tập, cố vấn, kết nối hệ sinh thái và hỗ trợ tự chủ bằng nền tảng học tập số.

Thứ hai, trường hợp Trường Đại học Mở Hà Nội cho thấy nhà trường đã có nền tảng đào tạo từ xa và hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp. Tuy nhiên, trong phạm vi tài liệu công khai được phân tích, chưa xác định được một kiến trúc tích hợp dành riêng cho sinh viên đào tạo từ xa, liên kết thống nhất giữa học tập, dự án, cố vấn, đánh giá và hệ sinh thái.

Thứ ba, nghiên cứu đề xuất mô hình ODEE gồm sáu thành phần chính: học tập số linh hoạt, học qua dự án khởi nghiệp, cộng đồng học tập, cố vấn trực tuyến, kết nối hệ sinh thái, và giàn giáo học tập số kết hợp đánh giá hình thành. Mô hình này chuyển trọng tâm từ số hóa nội dung sang việc tổ chức trải nghiệm, thúc đẩy tương tác, phản hồi và kết nối.

Nhà trường có thể thử nghiệm ODEE với một nhóm sinh viên đào tạo từ xa, kết hợp đánh giá dựa trên các mốc dự án, phân

bổ cố vấn theo lĩnh vực, và kết nối Cổng thông tin khởi nghiệp với hệ thống quản lý học tập. Quá trình triển khai cần đảm bảo sử dụng AI có trách nhiệm, bảo vệ sở hữu trí tuệ, dữ liệu, và đảm bảo liên chính học thuật. Sau giai đoạn thí điểm, cần sử dụng dữ liệu hỗn hợp để đánh giá tính khả thi và hiệu quả của từng thành phần.

Tài liệu tham khảo

- Belland, B. R., Walker, A. E., Kim, N. J., & Lefler, M. (2017). Synthesizing results from empirical research on computer-based scaffolding in STEM education: A meta-analysis. *Review of Educational Research*, 87(2), 309-344. <https://doi.org/10.3102/0034654316670999>
- Bowen, G. A. (2009). Document analysis as a qualitative research method. *Qualitative Research Journal*, 9(2), 27-40. <https://doi.org/10.3316/QRJ0902027>
- Chen, L., & Ifenthaler, D. (2023). Investigating digital entrepreneurship competence in an online practical training program. *The International Journal of Management Education*, 21(3), Article 100894. <https://doi.org/10.1016/j.ijme.2023.100894>
- Chen, L., Ifenthaler, D., & Yau, J. Y.-K. (2021). Online and blended entrepreneurship education: A systematic review of applied educational technologies. *Entrepreneurship Education*, 4(2), 191-232. <https://doi.org/10.1007/s41959-021-00047-7>
- Garrison, D. R., Anderson, T., & Archer, W. (1999). Critical inquiry in a text-based environment: Computer conferencing in higher education. *The Internet and Higher Education*, 2(2-3), 87-105. [https://doi.org/10.1016/S1096-7516\(00\)00016-6](https://doi.org/10.1016/S1096-7516(00)00016-6)
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Prentice-Hall.
- Martin, B. C., McNally, J. J., & Kay, M. J. (2013). Examining the formation of human capital in entrepreneurship: A meta-analysis of entrepreneurship education outcomes. *Journal of Business Venturing*, 28(2), 211-224. <https://doi.org/10.1016/j.jbusvent.2012.03.002>
- Moore, M. G. (1993). Theory of transactional distance. In D. Keegan (Ed.), *Theoretical principles of distance education* (pp. 22-38). Routledge.
- Motta, V. F., & Galina, S. V. R. (2023). Experiential learning in entrepreneurship education: A systematic literature review. *Teaching and Teacher Education*, 121, Article 103919. <https://doi.org/10.1016/j.tate.2022.103919>
- Nabi, G., Liñán, F., Fayolle, A., Krueger, N., & Walmsley, A. (2017). The impact of entrepreneurship education in higher education: A systematic review and research agenda. *Academy of Management Learning & Education*, 16(2), 277-299. <https://doi.org/10.5465/amle.2015.0026>
- Neck, H. M., & Greene, P. G. (2011). Entrepreneurship education: Known worlds and new frontiers. *Journal of Small Business Management*, 49(1), 55-70. <https://doi.org/10.1111/j.1540-627X.2010.00314.x>
- Nguyễn, A. H. (2026). Thiết kế trải nghiệm học tập trên nền tảng số nhằm phát triển năng lực khởi nghiệp của sinh viên trong giáo dục đại học mở. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, (17A), 91-99. <https://doi.org/10.59266/houjs.2026.1352>
- Nguyễn, H. A., & Nguyễn, Q. A. (2023). Nguyên nhân bỏ học của sinh viên đại học từ xa trực tuyến tại Trường Đại học Mở Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, (109). <https://doi.org/10.59266/houjs.2023.323>

- Oliver, P. G., & Oliver, S. (2022). Innovative online learning in entrepreneurship education: The impact of embedding real-life industry practice in the virtual learning environment. *Industry and Higher Education*, 36(6), 756-767. <https://doi.org/10.1177/09504222221121283>
- Park, Y., Xu, Y., Collins, P., Farkas, G., & Warschauer, M. (2019). Scaffolding learning of language structures with visual-syntactic text formatting. *British Journal of Educational Technology*, 50(4), 1896-1912. <https://doi.org/10.1111/bjet.12689>
- Politis, D. (2005). The process of entrepreneurial learning: A conceptual framework. *Entrepreneurship Theory and Practice*, 29(4), 399-424. <https://doi.org/10.1111/j.1540-6520.2005.00091.x>
- Secundo, G., Mele, G., Del Vecchio, P., Elia, G., Margherita, A., & Ndou, V. (2021). Threat or opportunity? A case study of digital-enabled redesign of entrepreneurship education in the COVID-19 emergency. *Technological Forecasting and Social Change*, 166, Article 120565. <https://doi.org/10.1016/j.techfore.2020.120565>
- Stake, R. E. (1995). *The art of case study research*. SAGE.
- Thủ tướng Chính phủ. (2017). *Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 897/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022-2030”*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2026). *Quyết định số 336/QĐ-TTg ngày 25/02/2026 phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035”*.
- Trường Đại học Mở Hà Nội. (2021, September 9). *Khai trương Cổng thông tin khởi nghiệp và Tọa đàm: Hành trình khởi nghiệp sinh viên*. <https://hou.edu.vn>
- Trường Đại học Mở Hà Nội. (2026a, January 16). *Khởi mở tư duy khởi nghiệp trong kỷ nguyên số...* <https://hou.edu.vn>
- Trường Đại học Mở Hà Nội. (2026b, January 27). *Thông báo tuyển sinh đại học hình thức từ xa năm 2026*. <https://tuyensinh.hou.edu.vn>
- Trường Đại học Mở Hà Nội. (2026c, June 26). *Thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học trong bối cảnh đổi mới sáng tạo*. <https://hou.edu.vn>
- Vecchiarini, M., Muldoon, J., Smith, D., & Boling, R. J. (2024). Experiential learning in an online setting: How entrepreneurship education changed during the COVID-19 pandemic. *Entrepreneurship Education and Pedagogy*, 7(2), 190-217. <https://doi.org/10.1177/25151274231179194>
- Yin, R. K. (2018). *Case study research and applications: Design and methods* (6th ed.). SAGE.

DESIGNING AN ONLINE ENTREPRENEURSHIP EDUCATION MODEL FOR DISTANCE LEARNERS: A CASE STUDY OF HANOI OPEN UNIVERSITY

Luong Tuan Long¹, Nguyen Anh Hoan¹, Nguyen Vinh Quang¹

Abstract: *Entrepreneurship education helps develop students' capacity to recognize opportunities, test solutions, and create value. For distance learners, a key challenge is preserving flexibility while maintaining experiential learning, interaction, mentoring, and ecosystem engagement. This study examines the case of Hanoi Open University, combining case study research with document analysis of national policies, publicly available institutional materials, and foundational academic literature to identify design requirements and propose an Online Distance Entrepreneurship Education (ODEE) model. The findings indicate that the University has established both distance education infrastructure and an entrepreneurship support ecosystem; however, the publicly available materials reviewed do not yet demonstrate a dedicated, integrated architecture for distance learners. The proposed ODEE model comprises six components: flexible digital learning, entrepreneurship project-based learning, learning community, online mentoring, ecosystem connectivity, and digital scaffolding with formative assessment. The model requires further piloting and empirical evaluation to assess its feasibility and effectiveness.*

Keywords: *distance education, entrepreneurship education, experiential learning, entrepreneurial ecosystem, ODEE model*

¹ Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam